TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2023
Về việc Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái Linh
Ông Bùi Văn Hồng
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà*: Bà Dương Thị Th Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2022/ TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ-ST ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị P; SN 1976

Nơi ĐKNKTT: Thôn Phú Thượng, xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩn

(Xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Văn T; SN 1972

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn Phú Thượng, xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Lào. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Dương Thị P, vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P và anh Bùi Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk vào năm 1999. Hôn nhân được hình T1 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, cuộc sống chung sau khi cưới hạnh phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở Đăk Lăk

một thời gian sau đó gia đình chuyển về xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh sống. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó anh T đi làm việc ở Lào. Thời gian đầu anh có đi về Việt Nam thăm gia đình nhưng từ năm 2019 đến nay anh không về nữa. Chị nghe thông tin anh đã có người phụ nữ khác ở bên Lào nên không quan tâm đến mẹ con chị nữa. Vợ chồng đã lâu không liên lạc, không quan tâm đến nhau, nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Thị Th, sinh năm 2000; Bùi Thị H, sinh năm 2004; Bùi Đức T1, sinh năm 2015. Hai con lớn đã trưởng T1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P có nguyện vọng nuôi con Bùi Đức T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị P trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Bùi Văn T tại Lào mà chỉ biết anh có gọi điện về cho anh trai là Bùi Văn T2; trú tại: Thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường, TP. Hưng Yên. Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh T qua gia đình anh.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại anh trai của anh T là Bùi Văn T2; trú tại: Thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Anh trai anh T cung cấp thông tin như sau: Hiện anh Bùi Văn T đang làm việc tại Lào, anh T và chị P đăng ký kết hôn hợp pháp; sau khi kết hôn vợ chồng sống tại miền Nam sau đó về Hà Tĩnh. Việc chị P xin ly hôn anh T và gia đình đã biết và anh T đồng ý ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 3 con như chị P khai, vấn đề nuôi con anh T không có ý kiến gì. Về tài sản: anh T không có ý kiến gì, tùy chị P giải quyết.

Vì điều kiện anh T đang làm việc ở Lào không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên đề nghị Tòa gửi tài liệu liên quan đến vụ án về cho anh trai Bùi Văn T2 nhận để thông báo lại cho anh T.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2003/NQ ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Về tình cảm: Xử cho chị Dương Thị P ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Xử giao con chung Bùi Đức T1 sinh ngày: 08/12/2015 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng T1. Việc cấp dưỡng

nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Bùi Văn T được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Dương Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn T đang sống và làm việc tại Lào. Theo công văn số 20157/QLXNC- P5 ngày 28/9/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì anh Bùi Văn T xuất nhập cảnh nhiều lần và lần xuất cảnh gần đây nhất là năm 2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy anh T vẫn liên lạc với gia đình anh trai tại thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Anh Bùi Văn T2 là anh trai anh T cũng không biết địa chỉ của anh T tại Lào, anh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và nhận trách nhiệm thông báo lại cho anh Bùi Văn T biết. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Bùi Văn T vắng mặt, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh căn cứ Nghị quyết số 01/2003/NQ ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án xét xử vắng mặt anh Bùi Văn T theo quy định.

Chị Dương Thị P vì lý do đi làm ăn xa nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Dương Thị P theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp và qúa trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai thì do quá trình làm giấy đăng ký kết hôn có nhầm lẫn nên trong giấy chứng nhận kết hôn đã ghi: "Họ tên vợ: Dương Thu P; sinh ngày 07/10/1976". Tại công văn trả lời của UBND xã Kỳ Phú thì chị Dương Thị P; Sinh ngày: 01/01/1976; Nơi ĐKNKTT: Thôn Phú Thượng, xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và chị Dương Thu P; sinh ngày 07/10/1976 trong giấy chứng nhận kết

hôn là một người. Chị P và anh T là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện anh T đang lao động tại Lào. Hôn nhân của chị Dương Thị P và anh Bùi Văn T được hình T1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk vào năm 1999 là đúng với quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau tại Đắk Lắk sau một thời gian thì gia đình chuyển về Kỳ Anh, Hà Tĩnh sinh sống. Sau đó anh T đi lao động tại Lào, thời gian đầu anh có về Việt Nam nhưng đến năm 2019 thì anh không về Việt Nam nữa và cũng không liên lạc với chị P. Do vợ chồng sống mỗi người một nơi, không có điều kiện gần gũi, yêu thương, chăm sóc nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Hiện tại, chị P xét thấy không còn tình cảm với anh T và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Qua xác minh tại anh trai anh T thì anh T đã biết chị P xin ly hôn và anh cũng đồng ý, tuy nhiên anh không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các T1 viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của anh Bùi Văn T và chị Dương Thị P không đạt được mục đích đó. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Thị Th sinh ngày: 10/01/2000; Bùi Thị H, sinh ngày 18/4/2004; Bùi Đức T1, sinh ngày 08/12/2015. Hai con lớn đã trưởng T1 nên Tòa án không xem xét. Chị P có nguyện vọng nuôi con Bùi Đức T1 sinh ngày 08/12/2015 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Con từ trước đến nay ở với mẹ và hiện tại anh T không có mặt tại Việt Nam do đó cần giao con chung cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Dương Thị P tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 37, 227, 228, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị P ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Đức T1, sinh ngày: 08/12/2015 cho chị Dương Thị P chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng T1 đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh Bùi Văn T được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000319 ngày 14/10/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ Phú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền